BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
Số 2731/TB - ĐHTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO

Kết quả vòng loại cuộc thi "Đọc và Cảm nhận" năm 2021

Nhằm mục tiêu hình thành, duy trì thói quen đọc sách, nâng cao kĩ năng đọc, kĩ năng viết và kĩ năng thuyết trình của sinh viên, Trường Đại học Tây Nguyên tổ chức cuộc thi "***Đọc và Cảm nhận***" lần thứ 2, năm 2021. Cuộc thi này khẳng định vai trò quan trọng của việc đọc sách trong việc hình thành không gian tâm lí – xã hội hướng tới đáp ứng nhu cầu học tập của người học tại Trường Đại học Tây Nguyên. Đồng thời, cuộc thi này cũng mong muốn tạo dựng một môi trường thân thiện, lành mạnh tại Trường Đại học Tây Nguyên để người học được giao lưu, chia sẻ về kĩ năng đọc sách, kĩ năng viết và kĩ năng thuyết trình.

Cuộc thi gồm có hai vòng: vòng chung kết và vòng loại. Vòng loại nhận bài đăng trên Trang Fanpage của Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên từ ngày 01/11/2021 đến hết ngày 30/11/2021. Ban Tổ chức nhận được 145 bài dự thi và đã thực hiện việc chấm thi theo thể lệ cuộc thi đã được công bố.

Ban Tổ chức thông báo kết quả vòng loại, cụ thể như sau:

1. Thống kê điểm vòng loại (*Có danh sách kèm theo*).
2. Danh sách 10 bạn dự thi vòng chung kết (*Có danh sách kèm theo*).
3. Danh sách các giải thưởng của vòng loại (*Có danh sách kèm theo*).

Trân trọng thông báo!

TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Lê Đức Niêm

DANH SÁCH CÁC GIẢI CỦA VÒNG LOẠI
Cuộc thi "Đọc và Cảm nhận" lần thứ 2, năm 2021

I. GIẢI CÁ NHÂN

1. Giải ***Bài viết có số lượt yêu thích nhiều nhất***
   Bài viết giới thiệu sách: Chiến binh Cầu vồng
   Sinh viên Trần Văn Định - Lớp Sư phạm Toán K20
2. Giải ***Bài viết có số lượt chia sẻ nhiều nhất***
   Bài viết giới thiệu giáo trình: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
   Sinh viên K' Tiến - Lớp Giáo dục Chính trị K18
3. Giải ***Bài viết có hình ảnh đẹp nhất***
   Bài viết giới thiệu sách: Khi người ta đôi mươi
   Sinh viên Nguyễn Thị Lan Phương - Lớp Sư phạm Hóa K18
4. Giải ***Độc giả triển vọng***
   Bài viết giới thiệu sách: Tôi là Bêtô
   Học sinh Nguyễn Hoàng Khánh Vi – Lớp 11A5, Trường THPT TH Cao Nguyên
5. Giải ***Bài viết có hình ảnh ấn tượng nhất***
   Bài viết giới thiệu sách: Phụ nữ vạn người mê
   Sinh viên Trần Minh Khuê – Lớp Y khoa K20B

II. GIẢI TẬP THỂ

Đồng giải nhất: Lớp có nhiều sinh viên tham gia cuộc thi nhất

1. Lớp Giáo dục Mầm non K19
2. Lớp Giáo dục Mầm non K18

TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Đức Niêm

DANH SÁCH 10 THÍ SINH DỰ VÒNG CHUNG KẾT

STT bài thi	Họ và tên	Số lượt like	Điểm quy đổi	Số lượt share	Điểm quy đổi	Điểm nội dung	Tổng điểm
43	Lê Nguyễn Thị Tuyết Minh	1900	9.5	377	6.2	60.0	**75.7**
17	K'Tiến	762	3.8	609	10.0	54.7	**68.5**
100	Nguyễn Thị Lan Phương	269	1.3	397	6.5	59.3	**67.2**
14	Nguyễn Thị Trà My	237	1.2	138	2.3	63.0	**66.5**
103	H Nhan	36	0.2	37	0.6	65.3	**66.1**
108	Phan Thị Hảo	27	0.1	13	0.2	65.0	**65.3**
8	Võ Thị Hà Thu	216	1.1	126	2.1	62.0	**65.1**
120	Phạm Thị Ngọc Hà	30	0.2	28	0.5	64.3	**64.9**
135	Y Yê Rê Mi Knul	237	1.2	192	3.2	60.3	**64.7**
9	Nông Thị Thu	350	1.8	78	1.3	61.3	**64.4**

Danh sách gồm 10 người

TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Lê Đức Niêm

THỐNG KÊ ĐIỂM VÒNG LOẠI CUỘC THI "ĐỌC VÀ CẢM NHẬN"

STT bài thi	Họ và tên	Điểm nội dung			TB	MSSV	Lớp	Tên sách	Lượt like		Lượt chia sẻ		Điểm nội dung	Tổng điểm
									Số lượt	Điểm quy đổi	Số lượt	Điểm quy đổi		
	1	GK1	GK2	GK3	TB	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thái Trần Giang	59	59	59	59	18601009	Sư phạm Ngữ văn K18	Dưỡng tâm giàu có - Dưỡng thân nghèo khó	464	2,3	135	2,2	59,0	**63,5**
2	Trần Văn Định	42	52	50	48	20101015	Sư phạm Toán K20	Chiến binh Cầu vồng	2000	10,0	383	6,3	48,0	**64,3**
3	Đoàn Thị Huê	51	57	46	51,3	20901068	Giáo dục Tiểu học K20A	Nhật ký Đặng Thùy Trâm	384	1,9	293	4,8	51,3	**58,1**
4	H’ Hoài Ênuôl	51	55	48	51,3	18601008	Sư phạm Ngữ văn K18	Tình yêu không phải thứ để dành	173	0,9	183	3,0	51,3	**55,2**
5	Hoàng Thị Lan Hương	58	61	58	59	20903038	Giáo dục Mầm non K20A	Đời ngắn đừng ngủ dài	292	1,5	193	3,2	59,0	**63,6**
6	Lê Đinh Quỳnh Hương	58	55	60	57,7	20101028	Sư phạm Toán K20	Mặc kệ thiên hạ sống như người Nhật	300	1,5	105	1,7	57,7	**60,9**
7	Nguyễn Thu Trang	50	54	48	50,7	20101045	Sư phạm Toán K20	Biết ơn nhiều hơn sẽ hạnh phúc hơn	497	2,5	31	0,5	50,7	**53,7**
8	Võ Thị Hà Thu	62	62	62	62	18902025	Giáo dục Tiểu học Jrai K18	Đời ngắn, đừng khóc hãy tô son	216	1,1	126	2,1	62,0	**65,1**
9	Nông Thị Thu	61	58	65	61,3	20901027	Giáo dục Tiểu học K20A	Cảm xúc là kẻ thù số một của thành công	350	1,8	78	1,3	61,3	**64,4**
10	Trần Thu Thảo	59	61	58	59,3	21307185	Y K21C	Cân bằng cảm xúc cả lúc bão giông	132	0,7	75	1,2	59,3	**61,2**
11	Phạm Thị Thanh Hằng	59	60	58	59	20410031	Kinh tế K20A	Quản lí thời gian	81	0,4	36	0,6	59,0	**60,0**
12	H' Brăi Niê	55	55	55	55	20903075	Giáo dục Mầm non K20B	Luật tục Ê Đê một nền tư pháp hoà giải những giá trị xã hội và sự biến đổi.	305	1,5	170	2,8	55,0	**59,3**

13	Lê Thị Thu Thảo	60	62	59	60,3	18903018	Giáo dục Mầm non K18	Dám bị ghét	95	0,5	41	0,7	60,3	**61,5**
14	Nguyễn Thị Trà My	63	61	65	63	21101108	Sư phạm Toán K21	Khí chất bao nhiêu hạnh phúc bấy nhiêu	237	1,2	138	2,3	63,0	**66,5**
15	Nguyễn Thị Ái Kiêu	56	57	57	56,7	18601013	Sư phạm Ngữ văn K18	Ta ba lô trên đất Á	91	0,5	39	0,6	56,7	**57,8**
16	Hồ Thị Huyền	54	56	53	54,3	19307087	Y K19A2	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	85	0,4	35	0,6	54,3	**55,3**
17	K'Tiến	55	58	51	54,7	18604026	Giáo dục Chính trị K18	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	762	3,8	609	10,0	54,7	**68,5**
18	Trần Thị Minh Tú	52	59	46	52,3	18902026	Giáo dục Tiểu học Jrai K18	Quà tặng cuộc sống "Tình thầy trò - Lớn lên em nhất định trở thành hoạ sĩ"	63	0,3	53	0,9	52,3	**53,5**
19	Nguyễn Thị Phương Thủy	50	56	48	51,3	21307196	Y K21C	Mẹ điên	176	0,9	69	1,1	51,3	**53,3**
20	Phạm Thị Như Quỳnh	58	58	58	58	19903023	Giáo dục Mầm non K19	Khi bạn đang mơ thì người khác đang nỗ lực	245	1,2	101	1,7	58,0	**60,9**
21	Phạm Vũ Thục Nguyên	55	60	53	56	19903021	Giáo dục Mầm non K19	Nanh trắng	125	0,6	55	0,9	56,0	**57,5**
22	Trần Phương Thảo	56	59	57	57,3	20601067	Sư phạm Ngữ văn K20	Nghệ thuật xử thế - cùng Dale Carnegie tiến tới thành công	217	1,1	113	1,9	57,3	**60,3**
23	Bùi Thị Vĩ	59	60	59	59,3	20901172	Giáo dục Tiểu học K20B	Nhà Giả Kim	265	1,3	133	2,2	59,3	**62,8**
24	Bùi Thị Hương Nguyên	52	57	48	52,3	21307139	Y K21B	Khi hơi thở hóa thinh không	231	1,2	88	1,4	52,3	**54,9**
25	Trần Thị Thanh Xuân	50	54	48	50,7	18903025	Giáo dục Mầm non K18	Cha và con	135	0,7	78	1,3	50,7	**52,6**
26	Nguyễn Thị Kim Uyên	57	57	57	57	18903024	Giáo dục Mầm non K18	Hạnh phúc là	178	0,9	78	1,3	57,0	**59,2**

27	Lê Thị Như Quỳnh	58	56	59	57,7	11A4	THPT Thực hành Cao Nguyên	Nhật ký Covid - Để yên cho bác sĩ "Hiền"	137	0,7	317	5,2	57,7	**63,6**
28	Lê Thị Trâm Anh	59	57	62	59,3	20902045	Giáo dục Tiểu học Jrai K20	Ngắm tuổi trẻ quay cuồng trong tĩnh lặng	148	0,7	87	1,4	59,3	**61,5**
29	Phạm Thị Hồng Nhung	58	60	55	57,7	21901042	Giáo dục Tiểu học K21	Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu	609	3,0	101	1,7	57,7	**62,4**
30	Hà Thị Lan Nhi	61	61	60	60,7	19403101	Kế toán K19	Vươn lên	89	0,4	38	0,6	60,7	**61,7**
31	Nguyễn Trần Hoài Thư	62	59	62	61	18601036	Sư phạm Ngữ văn K18	Personal power - Khám phá sức mạnh bản thân	152	0,8	91	1,5	61,0	**63,3**
32	Nguyễn Thị Thảo Tiên	58	60	52	56,7	19903028	Giáo dục Mầm non K19	Thời thơ ấu	147	0,7	93	1,5	56,7	**58,9**
33	Phạm Nguyễn Phương Thảo	59	64	51	58	20904003	Giáo dục Mầm non K20A	Nhà có hai người	111	0,6	106	1,7	58,0	**60,3**
34	Đỗ Hạ Lý	58	59	43	53,3	19903017	Giáo dục Mầm non K19	Một thế giới khác	78	0,4	38	0,6	53,3	**54,3**
35	Rơ mah H'Gri	64	66	51	60,3	19903006	Giáo dục Mầm non K19	Nghĩ đơn giản, sống đơn thuần	75	0,4	49	0,8	60,3	**61,5**
36	Puih H' Thiên	57	63	53	57,7	18902024	Giáo dục Tiểu học Jrai K18	Không nơi nương tựa	63	0,3	20	0,3	57,7	**58,3**
37	Cao Úy Khuyên	59	59	57	58,3	19903011	Giáo dục Mầm non K19	Think and grow rich-13 nguyên tắc nghĩ giàu làm giàu	73	0,4	48	0,8	58,3	**59,5**
38	Nguyễn Thị Bích Du	62	67	57	62,0	20607004	Văn học K20	Thế giới hiện đại con người cô đơn	78	0,4	56	0,9	62,0	**63,3**
39	Nông Thị Thảo Nguyên	64	58	57	59,7	19903020	Giáo dục Mầm non K19	Tôi quyết định cho chính tôi	49	0,2	34	0,6	59,7	**60,5**
40	Đỗ Thị Mai Hoa	60	65	59	61,3	19903008	Giáo dục Mầm non K19	Tuổi 20 tôi đã sống như một bông hoa dại	68	0,3	35	0,6	61,3	**62,2**
41	Trần Thị Vân	63	63	61	62,3	19903031	Giáo dục Mầm non K19	Tử tế đáng giá bao nhiêu?	72	0,4	56	0,9	62,3	**63,6**

42	Đinh Thị Thùy Tiên	57	64	56	59,0	19903027	Giáo dục Mầm non K19	Tôi từng nghĩ mọi thứ sẽ ổn khi trở thành người lớn	73	0,4	53	0,9	59,0	**60,2**
43	Lê Nguyễn Thị Tuyết Minh	65	58	57	60,0	20902029	Giáo dục Tiểu học Jrai k20	Sống hết mình cho ngày hôm nay	1900	9,5	377	6,2	60,0	**75,7**
44	Puih H' Sơ	58	67	57	60,7	19903024	Giáo dục mầm non K19	Mỗi lần vấp ngã là một lần trưởng thành	55	0,3	47	0,8	60,7	**61,7**
45	Bùi Thị Thái Vy	58	68	53	59,7	20702170	Ngôn ngữ Anh K20B	An	22	0,1	5	0,1	59,7	**59,9**
46	Lê Thị Hạnh	60	68	55	61,0	19903032	Giáo dục mầm non K19	Tâm hồn cao thượng	55	0,3	37	0,6	61,0	**61,9**
47	Rơ Ô Win	57	58	53	56,0	18701040	Sư phạm tiếng Anh K18	Ngữ Âm - Âm vị học	229	1,1	48	0,8	56,0	**57,9**
48	Lâm Thị Trang	59	61	49	56,3	19903029	Giáo dục Mầm non K19	Giao tiếp bất kì ai	80	0,4	48	0,8	56,3	**57,5**
49	Lê Thị Lan Anh Êban	58	60	54	57,3	18902003	Giáo dục Tiểu học Jrai K18	Chưa kịp bình minh	32	0,2	10	0,2	57,3	**57,7**
50	Phạm Thu Vân	62	67	53	60,7	18701036	Sư phạm Tiếng Anh K18	Tiền bạc và lý trí	71	0,4	29	0,5	60,7	**61,5**
51	Phan Viết Mạnh Toàn	67	55	54	58,7	20402115	Quản trị Kinh doanh K20A	Những đòn tâm lý trong thuyết phục	32	0,2	11	0,2	58,7	**59,0**
52	Tam Bố Ka Huynh	57	62	57	58,7	18901024	Giáo dục Tiểu học K18	Sống là chính mình giữa đời muôn hình	81	0,4	100	1,6	58,7	**60,7**
53	Lê Khắc Sơn	55	55	50	53,3	18701028	Sư phạm tiếng Anh K18	One punch man	53	0,3	17	0,3	53,3	**53,9**
54	H' Thu	45	55	46	48,7	18903020	Giáo dục Mầm non K18	Thế giới hiện đại con người cô đơn	69	0,3	41	0,7	48,7	**49,7**
55	Phan Thị Trà Duyên.	57	62	55	58,0	19901022	Giáo dục Tiểu học K19	Giới hạn của bạn chỉ là xuất phát điểm của tôi	35	0,2	11	0,2	58,0	**58,4**

56	Trần Ngọc Hồng Hạnh	58	60	58	58,7	19903007	Giáo dục Mầm non K19	Mình là cá việc của mình là bơi	71	0,4	52	0,9	58,7	**59,9**
57	Bùi Thị Minh Trúc	45	55	46	48,7	18903022	Giáo dục Mầm non K18	Dũng cảm đương đầu phép mầu sẽ đến	42	0,2	20	0,3	48,7	**49,2**
58	Trần Thị Kim Oanh	63	65	57	61,7	21702102	Ngôn Ngữ Anh K21A	Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu	55	0,3	13	0,2	61,7	**62,2**
59	Hoàng Lê Hoài Linh	57	53	55	55,0	18903008	Giáo dục mầm non K18	Bạn đắt giá bao nhiêu	58	0,3	28	0,5	55,0	**55,7**
60	Võ Triệu Nghi	58	58	58	58	18701021	Sư phạm Tiếng Anh K18	Để tâm không bận	244	1,2	52	0,9	58,0	**60,1**
61	Lê Thị Phương	59	55	57	57	18701026	Sư phạm tiếng Anh K18	Becoming - Chất Michelle	26	0,1	16	0,3	57,0	**57,4**
62	H' Ngọc	60	54	57	57	19903019	Giáo dục Mầm non K19	Tự lập tuổi 20	79	0,4	64	1,1	57,0	**58,4**
63	Nguyễn Thị Lâm Phương	62	56	59	59	20903085	Giáo dục Mầm non K20A	Khéo ăn nói sẽ có được thiên hạ	90	0,5	94	1,5	59,0	**61,0**
64	Bùi Thị Như Quỳnh	50	44	47	47		Sư phạm Anh K18	Tâm của ta ở đâu hạnh phúc của ta ở đó	39	0,2	119	2,0	47,0	**49,1**
65	Nguyễn Ngọc Ánh	62	58	60	60		Sư phạm Anh K18	Sóng ở đáy sông	43	0,2	19	0,3	60,0	**60,5**
66	Nguyễn Thị Trang Nhung	62	57	60	59,7	20601083	Sư phạm Ngữ văn K20	Sống là chính mình giữa đời muôn hình	76	0,4	36	0,6	59,7	**60,6**
67	H Sinh BKrông	57	56	57	56,7	19702014	Ngôn ngữ Anh K19A	Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu	109	0,5	92	1,5	56,7	**58,7**
68	Lê Thị Bình	55	56	56	55,7	18701004	Sư phạm Anh K18	Tôi tự học	45	0,2	27	0,4	55,7	**56,3**
69	H Êly Ryam	53	55	54	54	18903017	Giáo dục Mầm non K18	Cùng nắm tay cha, nào ta khôn lớn	66	0,3	59	1,0	54,0	**55,3**
70	Trần Thị Ánh Hồng	46	52	49	49	21702053	Ngôn ngữ Anh K21A	Lối sống tối giản của người Nhật	34	0,2	12	0,2	49,0	**49,4**

71	Hồ Thùy Kim Ngân	46	39	43	42,7		Kinh doanh Thương mại K18	Mình nói gì khi nói về hạnh phúc	14	0,1	2	0,0	42,7	**42,8**
72	Nguyễn Thị Lan	50	55	53	52,7	21702063	Ngôn ngữ Anh K21A	Khi tài năng không theo kịp giấc mơ	32	0,2	6	0,1	52,7	**52,9**
73	Nguyễn Thị Phương Trinh	51	59	55	55	21403160	Kế toán K21B	Quảng gánh lo đi và vui sống	43	0,2	13	0,2	55,0	**55,4**
74	Nguyễn Thị Huyền	60	57	58	58,3	18701011	Sư phạm Anh K18	Good luck - Bí mật của may mắn	31	0,2	13	0,2	58,3	**58,7**
75	Nguyễn Thị Yến Nhi	58	57	58	57,7	18903011	Giáo dục mầm non K18	Mỗi lần vấp ngã là một lần trưởng thành	42	0,2	34	0,6	57,7	**58,4**
76	Nguyễn Thanh Trúc	58	60	59	59	21307229	Y K21C	Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu ?	242	1,2	21	0,3	59,0	**60,6**
77	Trần Minh Thư	57	56	57	56,7	18701034	Sư phạm tiếng Anh K18	Doukyuusei (Bạn cùng lớp)	40	0,2	18	0,3	56,7	**57,2**
78	Huỳnh Thị Ngọc Phúc	55	41	46	47,3	18903015	Giáo dục Mầm non k18	Bạn cũng có thể giàu	46	0,2	38	0,6	47,3	**48,2**
79	Nông Thị Huệ	56	55	55	55,3		Kinh doanh Thương mại K18	Tự lập tuổi 20	51	0,3	42	0,7	55,3	**56,3**
80	Lê Phương Hồng Duyên	58	51	55	54,7	18903002	Giáo dục Mầm non K18	Hành trình về phương Đông	43	0,2	28	0,5	54,7	**55,3**
81	Lê Thị Thanh Nhàn	52	53	52	52,3	18412019	Kinh doanh Thương mại K18	Bao giờ cho đến ngày xưa	27	0,1	5	0,1	52,3	**52,6**
82	Hồ Thị Quỳnh Như	53	53	53	53	18901042	Giáo dục Tiểu học K18	Cuộc đời của Pi (Life of Pi)	86	0,4	162	2,7	53,0	**56,1**
83	Ngô Thị Thuỳ Trang	61	52	57	56,7	18903021	Giáo dục Mầm non K18	Càng mạnh mẽ càng dịu dàng	50	0,3	25	0,4	56,7	**57,3**

84	Đặng Văn Nhi	53	61	57	57	18902013	Giáo dục Tiểu học Jrai K18	Thương được cứ thương đi	38	0,2	17	0,3	57,0	**57,5**
85	Lê Thị Thảo Quyên	51	60	56	55,7	18701027	Sư phạm tiếng Anh K18	Cuộc đời của Pi	97	0,5	61	1,0	55,7	**57,2**
86	Tô Thị Mỹ Huyền	58	56	57	57	18701012	Sư Phạm tiếng Anh K18	Đời đơn giản khi ta đơn giản	70	0,4	41	0,7	57,0	**58,0**
87	Trần Thị Hiền	58	61	60	59,7	18903006	Giáo dục Mầm non K18	Triệu phú khu ổ chuột	61	0,3	41	0,7	59,7	**60,6**
88	Cung Trần Bảo Ngọc	59	54	63	58,7	18701022	Sư phạm Anh K18	Tôi vỡ tan để ánh sáng ngập tràn	46	0,2	24	0,4	58,7	**59,3**
89	Nông Thị Hằng	62	58	53	57,7		Giáo dục Tiểu học K18	Tuổi thơ dữ dội	53	0,3	46	0,8	57,7	**58,7**
90	Nguyễn Thị Khánh Ly	60	56	54	56,7	19903016	Giáo dục Mầm non K19	Dám bị ghét	34	0,2	23	0,4	56,7	**57,2**
91	Vũ Lê Nguyệt Hà	64	57	58	59,7	18903004	Giáo dục mầm non K18	Xin bạn hãy ôm lấy trái tim mình trước đã	58	0,3	41	0,7	59,7	**60,6**
92	Bùi Thị Thu Hương	63	54	54	57,0	18701013	Sư phạm Anh K18	Mãi mãi tuổi hai mươi	42	0,2	38	0,6	57,0	**57,8**
93	Kpă Thel	64	50	50	54,7	18903019	Giáo dục Mầm non k19	Thầy cô giáo hạnh phúc sẽ thay đổi thế giới	72	0,4	46	0,8	54,7	**55,8**
94	Lê Hoàng Lân	65	54	51	56,7	18701016	Sư phạm Anh K18	Hai kinh thành	26	0,1	18	0,3	56,7	**57,1**
95	Phạm Thị Thanh Xuân.	58	58	58	58,0	20701134	Sư phạm Anh K20B.	Giải mã chính mình- 401 công thức trở thành phiên bản tốt đẹp nhất.	71	0,4	45	0,7	58,0	**59,1**
96	Lê Thị Linh Chi	63	52	53	56,0	18903001	Giáo dục Mầm non K18	Yêu những điều không hoàn hảo	56	0,3	33	0,5	56,0	**56,8**

97	Nguyễn Thị Quyên	65	64	58	62,3	19903022	Giáo Dục Mầm non K19	Sống với niềm vui mỗi ngày	99	0,5	65	1,1	62,3	**63,9**
98	Trịnh Thị Thùy Liên	68	63	58	63,0	18701017	Sư phạm tiếng Anh K18	Sống là chính mình giữa đời muôn hình	55	0,3	32	0,5	63,0	**63,8**
99	Nguyễn Thị Huyền	65	50	52	55,7	18903007	Giáo dục mầm non K18	Đừng lựa chọn an nhàn khi còn trẻ	80	0,4	32	0,5	55,7	**56,6**
100	Nguyễn Thị Lan Phương	65	58	55	59,3	18104006	Sư phạm Hóa K18	Khi người ta đôi mươi	269	1,3	397	6,5	59,3	**67,2**
101	Nông Thị Cúc	66	65	55	62,0	19903004	Giáo dục Mầm non K19	Hãy chăm sóc mẹ	86	0,4	66	1,1	62,0	**63,5**
102	H Hạ	65	50	52	55,7	18903005	Giáo dục Mầm non K18	Biết ơn nhiều hơn sẽ hạnh phúc hơn	34	0,2	38	0,6	55,7	**56,5**
103	H Nhan	66	65	65	65,3	18903010	Giáo dục Mầm non K18	Mỗi ngày đều đóng vai một người lớn điềm tĩnh	36	0,2	37	0,6	65,3	**66,1**
104	H Ra	64	50	53	55,7		Giáo dục Mầm non K18	Nếu tôi biết được khi còn 20	39	0,2	37	0,6	55,7	**56,5**
105	Đỗ Hoàng Linh Nhi	66	53	60	59,7	20901118	Giáo dục Tiểu học K20B	Speakout Pre-Intermediate 2nd Edition students' book	166	0,8	111	1,8	59,7	**62,3**
106	H Sang Ndu	60	50	53	54,3	18903009	Giáo dục Mầm non K18	Yêu thương cho đi là yêu thương còn mãi	35	0,2	29	0,5	54,3	**55,0**
107	Nguyễn Thị Quý Vy	63	62	58	61,0	18104010	Sư phạm Hóa K18	Nhân sinh hà tất phải cưỡng cầu	32	0,2	26	0,4	61,0	**61,6**
108	Phan Thị Hảo	66	65	64	65,0	19701015	Sư phạm tiếng Anh K19	Hạt giống tâm hồn vượt qua thử thách	27	0,1	13	0,2	65,0	**65,3**

109	H - Noih Niê Kdăm	62	64	55	60,3	19903010	Giáo dục Mầm non K19	Vô thường	56	0,3	55	0,9	60,3	**61,5**
110	Zina Kpơr	65	58	53	58,7	19903012	Giáo dục Mầm non K19	Đắc nhân tâm	41	0,2	24	0,4	58,7	**59,3**
110	Vũ Thị Thanh Tuyền	62	58	52	57,3	19903030	Giáo dục mầm non K19	Câu chuyện tương lai mà tôi bỏ lỡ	34	0,2	28	0,5	57,3	**58,0**
112	Ngô Thị Lụa	65	64	57	62,0	19903015	Giáo dục Mầm non K19	Vai của cha đôi cánh của con	72	0,4	77	1,3	62,0	**63,6**
113	Nguyễn Thị Huyền Chi	63	62	55	60,0	19701010	Sư phạm tiếng Anh K19	Quảng gánh lo đi và vui sống	43	0,2	23	0,4	60,0	**60,6**
114	Thị Nhuê	60	48	46	51,3	18903012	Giáo dục Mầm non K18	Cách để tự bảo vệ mình	32	0,2	19	0,3	51,3	**51,8**
115	Phạm Thị Nhật Tân	66	52	48	55,3	21901053	Giáo dục Tiểu học K21	Cân bằng cảm xúc cả lúc bão giông	152	0,8	84	1,4	55,3	**57,5**
116	Hồ Thị Hoa	61	48	45	51,3	21901111	Giáo dục Tiểu học k21	Hài hước một chút thế giới sẽ khác đi	136	0,7	71	1,2	51,3	**53,2**
117	Trần Minh Khuê	58	60	55	57,7	20307109	Y K20B	Phụ nữ vạn người mê	20	0,1	1	0,0	57,7	**57,8**
118	Nguyễn Hà Ánh Ngọc	60	59	52	57,0	19701037	Sư phạm Anh K19	Đi tìm lẽ sống (Man’s search for meaning)	62	0,3	26	0,4	57,0	**57,7**
119	H Lim Buôn Dap	55	50	50	51,7	19903005	Giáo dục Mầm non K19	Đơn thuốc bình an cho tâm hồn	30	0,2	26	0,4	51,7	**52,2**
120	Phạm Thị Ngọc Hà	67	63	63	64,3	18903003	Giáo dục Mầm non K18	Đọc vị bất kì ai - Để không bị lừa dối và lợi dụng	30	0,2	28	0,5	64,3	**64,9**

121	Thái Thị Thanh Tình	54	48	45	49,0	20901158	Giáo dục Tiểu học K20B	Đừng lựa chọn an nhàn khi còn trẻ	71	0,4	101	1,7	49,0	**51,0**
122	Bùi Thị An	64	55	60	59,7	19903001	Giáo dục Mầm non K19	999 lá thư gửi cho chính mình	58	0,3	77	1,3	59,7	**61,2**
123	Răh Lan SaNa	49	50	45	48,0	18902022	Giáo dục Tiểu học J'rai K18	Nghĩ thông suốt đời nhẹ như mây	36	0,2	17	0,3	48,0	**48,5**
124	Rơ Ông K'Thuynh	60	55	51	55,3	19903025	Giáo dục Mầm non K19	Đời bạn, bạn không sống, ai sống hộ	28	0,1	25	0,4	55,3	**55,9**
125	H Nong	58	51	54	54,3	18903013	Giáo dục Mầm non K18	Cha giàu cha nghèo	42	0,2	30	0,5	54,3	**55,0**
126	Đinh Thị Phương Hiền	61	52	55	56,0	18104001	Sư phạm Hóa K18	Muốn an được an	57	0,3	41	0,7	56,0	**57,0**
127	Nguyễn Thanh Ly Na	55	62	59	58,7		Ngôn ngữ Anh K21A	Tìm lại chính mình	9	0,0	1	0,0	58,7	**58,7**
128	Nguyễn Thị Hồng Hoa	46	46	50	47,3	19903009	Giáo dục Mầm non K19	7 thói quen để thành đạt	43	0,2	63	1,0	47,3	**48,6**
129	Nguyễn Văn Nam	66	60	52	59,3	20607014	Văn học K20	Hạnh phúc đích thực	15	0,1	7	0,1	59,3	**59,5**
130	Đào Thị Đan Nhung	45	50	45	46,7	18902016	Giáo dục tiểu học Jrai K18	Những ngòi bút lửa	25	0,1	14	0,2	46,7	**47,0**
131	Lê Thị Hồng Hạnh	56	65	64	61,7	18902037	Giáo dục Tiểu học Jarai K18	Đọc sách như một nghệ thuật	19	0,1	6	0,1	61,7	**61,9**
132	H Alen Êban	50	58	55	54,3	18902002	Giáo dục Tiểu học-Jrai K18	Ngày một người không còn là tất cả	43	0,2	19	0,3	54,3	**54,9**

133	H Liang Niê	50	48	50	49,3	18902032	Giáo dục tiểu học- Jrai K18	Bạn đắt giá bao nhiêu?	27	0,1	14	0,2	49,3	**49,7**
134	Lê Nữ Thùy Linh	54	50	55	53,0	19903014	Giáo dục Mầm non K19	Con Bim trắng tai đen	31	0,2	23	0,4	53,0	**53,5**
135	Y Yê Rê Mi Knul	57	63	61	60,3	20901082	Giáo dục Tiểu học K20A	Đời thay đổi khi chúng ta thay đổi	237	1,2	192	3,2	60,3	**64,7**
136	Kpă H'Tinh	56	55	53	54,7	21901094	Giáo dục Tiểu học K21	Xin cho tuổi trẻ can đảm, nguyện cho thanh xuân rực sáng	24	0,1	9	0,1	54,7	**54,9**
137	Rah Lan H'Chơm	56	60	60	58,7	19903003	Giáo dục Mầm non K19	Quẳng gánh lo đi và vui sống	61	0,3	45	0,7	58,7	**59,7**
138	Trần Thị Hồng Nhung	52	63	57	57,3	20901121	Giáo dục Tiểu học K20B	Khi hơi thở hóa thinh không	30	0,2	19	0,3	57,3	**57,8**
139	Thị Tươi	53	51	55	53,0	18902034	Giáo dục Tiểu học Jrai K18	Có Bác mãi trong tim	35	0,2	21	0,3	53,0	**53,5**
140	Nguyễn Thị Minh Tâm	55	60	55	56,7	10A4	Trường THPT Thực hành Cao Nguyên	Tuổi 20 tôi sống như một bông hoa dại	49	0,2	15	0,2	56,7	**57,2**
141	Trần Tiến Đạt	56	64	53	57,7	10A4	Trường THPT Thực hành Cao Nguyên	Để yên cho bác sĩ “Hiền”	94	0,5	9	0,1	57,7	**58,3**
142	Ngô Trần Duy Quang	56	53	61	56,7	10A2	Trường THPT Thực hành Cao Nguyên	Quẳng gắng lo đi và vui sống	65	0,3	11	0,2	56,7	**57,2**
143	Nguyễn Hoàng Khánh Vi	57	62	55	58,0	11A5	Trường THPT Thực hành Cao Nguyên	Tôi là Bêtô	123	0,6	43	0,7	58,0	**59,3**

144	Nguyễn Thu Hương	56	56	63	58,3	18104012	Sư phạm Hóa K18	PERFECT SPY X6 - Điệp viên hoàn hảo	26	0,1	7	0,1	58,3	**58,6**
145	Lâm Nhật Quỳnh Thư	58	58	58	58	19402181	Quản trị Kinh doanh K19B	Hạt giống tâm hồn	9	0,0	3	0,0	58,0	**58,1**

Lưu ý: Cột 6 và 8, điểm quy đổi được tính trên thang điểm 10. Thí sinh có số tương tác nhiều nhất sẽ được 10 điểm. Các thí sinh khác được tính theo tỷ trọng với thí sinh có số lượt nhiều nhất.

Tổng điểm: cột 6+8+9

Danh sách gồm: 145 thí sinh

TM. BAN TỔ CHỨC

TRƯỞNG BAN

(Đã ký)

PGS.TS Lê Đức Niêm